CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/DALATA/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA**

Địa chỉ: 212 Tô Hiến Thành, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0986 452 838 - 0933 663 809.

E-mail: dalatacoffee212@gmail.com.

Mã số doanh nghiệp: 5801389387.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: CBCP10/2025/NNPTNT-LD, Ngày cấp: 26/02/2025, Nơi cấp: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Lâm Đồng.

II.Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **CÀ PHÊ DALATA – ARABICA 3IN1 NGUYÊN HẠT**
2. Thành phần: 50% nhân Robusta, 30% nhân Arabica, 20% nhân Cherry.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

+ Quy cách đóng gói: 100 g, 250 g, 500 g, 1 kg.

+ Chất liệu bao bì: Túi giấy/ PE phủ nhôm.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(Phụ lục đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 12:2025/DALATA

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 04 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 5801389387 C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

Đỗ Văn Ân

Scanned with CamScanner

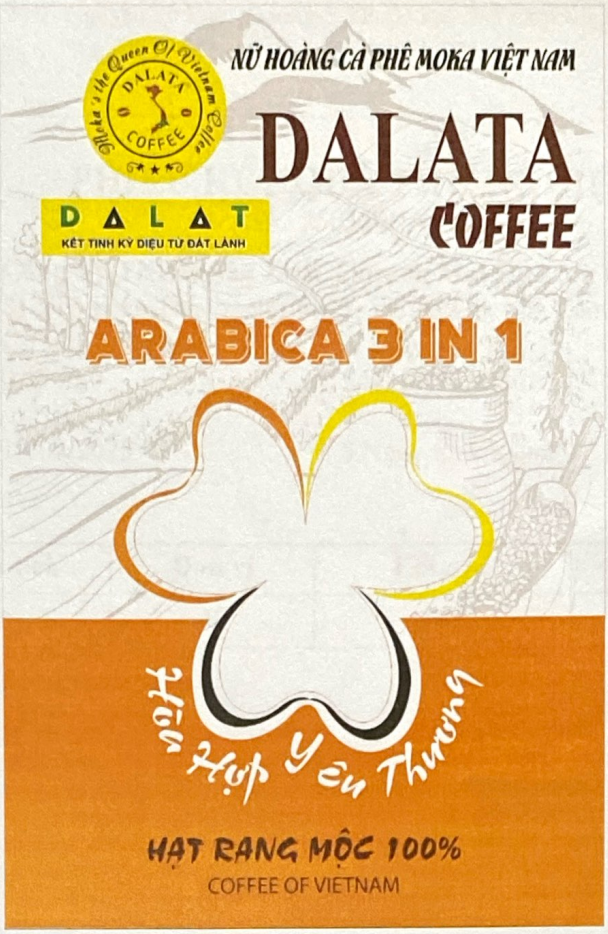

SẢN XUẤT BỞI CÔNG TY TNHH SX TM DV

DALATA

SỐ 212 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG 3, ĐÀ LẠT, LÂM ĐỒNG, VIỆT NAM

ĐT : 0933.663.809 - Website: dalatacoffee.com

CÀ PHÊ DALATA - ARABICA 3 IN 1

NGUYÊN HẠT

Thành phần: 50% nhân Robusta, 30% nhân Arabica, 20% nhân Cherry.

Cách pha chế: Xay thành bột trước khi sử dụng.

- Dùng máy pha cà phê.
- Dùng phin: Cho 2-3 muỗng cà phê bột, cho một ít nước sôi vào để từ 2-3 phút, sau đó cho thêm nước sôi vừa đủ dùng. Dùng thêm đường hoặc sữa tùy ý.

Cách bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát. Đóng kín bao bì sau mỗi lần sử dụng. Không sử dụng khi sản phẩm có mùi lạ, bị mốc.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX: Xem dưới đáy.

Số: 12/DALATA/2025

8 938526 095212

Khối lượng tịnh: 500 g

D A L A T
KẾT TINH KỲ DIỆU TỪ ĐẤT LÀNH

Scanned with CamScanner

VIỆN NGHIÊN CỨU HẠT NHÂN
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH
Địa chỉ: Số 01 Nguyên Tử Lực, phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0263 3552584 - Fax: 0263 3821107

VILAS 519

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số : 250319/1/0188-2

1	Đơn vị (người) gửi mẫu	**Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Dalata**		
2	Địa chỉ	212 Tô Hiến Thành, phường 3, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng		
3	Tên/ Mã số mẫu	**Cà phê Dalata – Arabica 3 in 1 nguyên hạt**		
4	Khối lượng mẫu	0,25 kg	5.Số lượng mẫu	01
6	Mô tả mẫu			
7	Ngày nhận mẫu	19/03/2025	8.Ngày trả kết quả	24/03/2025
9	Kết quả thử nghiệm			

T/T	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	Hàm lượng Cafein	%	2,05	TCVN 6603:2000

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Xuân Hải

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU HẠT NHÂN

Nguyễn Kiên Cường

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
KPH – không phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng; (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO 17025:2017
BM 7.8.01- phiếu kết quả thử nghiệm – ban hành lần 1

Scanned with CamScanner

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Z298C2844
Mã KQ/ *RP. No*: 002019939.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 212 Tô Hiến Thành, phường 3, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 21/03/2025
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 21/03/2025 - 24/03/2025
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **Cà phê Dalata – Arabica 3 in 1 nguyên hạt**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.3	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN-2009)
2	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.011	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
3	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
4	Thuỷ ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
5	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	0.015	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
6	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
7	Endosulfan (Endosulfan alpha, Endosulfan beta) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
8	Methidathion (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-109:2022
9	Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
10	Deltamethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
11	Fenpropathrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
12	Cypermethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
13	Indoxacarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
14	Thiamethoxam (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Scanned with CamScanner

Trang/ *Page No*: 2/2
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 24/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Z298C2844
Mã KQ/ *RP. No*: 002019939.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
15	Triadimefon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
16	Độ ẩm (*)/ Moisture (*)	0.782	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
17	Tro tổng (*)/ Total ash (*)	4.54	%	-	TS-KT-HCB-006:2018
18	Tạp chất/ Impurities	Không phát hiện/ Not Detected	%	-	TS-KT-HCB-124:2023 (Ref. TCVN 5250:2015)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.T.N.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

Scanned with CamScanner

TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

CÔNG TY TNHH SX TM DV DALATA	**CÀ PHÊ DALATA – ARABICA 3IN1 NGUYÊN HẠT**	SỐ 12:2025/DALATA
		Có hiệu lực từ ngày 26 tháng 04 năm 2025

I.YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Hình dạng	Hạt cà phê hình elip, nở căng
2	Màu sắc	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm, hạt rang chín đều, không cháy
3	Mùi vị	Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ, vị đặc trưng của sản phẩm

2. Hàm lượng kim loại nặng: Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Arsen (As)	mg/kg	1	TS-KT-QP-27:2021
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1	TS-KT-QP-27:2021
3	Chì (Pb)	mg/kg	2	TS-KT-QP-27:2021
4	thuỷ ngân (Hg)	mg/kg	0.05	TS-KT-QP-27:2021

Scanned with CamScanner

3. **Các chỉ tiêu độc tố vi nấm:** Áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT - Quy định giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Ochratoxin A	µg/kg	5	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR23657 EN-2009)

4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Áp dụng theo Thông tư 50/2016/TT-BYT - Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

5. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Hàm lượng cafein, không nhỏ hơn	%	1.0	TCVN 6603:200
2	Độ ẩm, không lớn hơn	%	5.0	TS-KT-HCB-005:2018

II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Hướng dẫn sử dụng: Lấy 3-4 muỗng (khoảng 20g) cà phê hạt, xay theo sở thích. Lắc đều và ép nhẹ nắp gài bên trong. Dùng khoảng 40 ml nước sôi 95^{0}C - 100^{0}C, châm vào phin, chờ cà phê ngấm đều. Sau đó châm thêm khoảng 45 ml nước sôi. Thêm đường, sữa, đá tùy thích theo khẩu vị của bạn.
- Hướng dẫn bảo quản: Để nơi khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh nắng trực tiếp.

III. KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

- Đối với cơ sở sản xuất, trang thiết bị dụng cụ: Vệ sinh sau mỗi lần sản xuất.
- Con người: Khám sức khỏe định kỳ hàng năm
- Chất lượng sản phẩm: Gửi mẫu định kỳ 12 tháng/ lần

V. NGUỒN GỐC NGUYÊN LIỆU, BAO BÌ VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

Scanned with CamScanner

- Nguyên liệu: Làm hợp đồng với các nhà cung cấp nguyên liệu
- Bao bì, phụ gia thực phẩm: Làm hợp đồng và lưu trữ hồ sơ tự công bố/ công bố sản phẩm khi được cung cấp

VI. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- Xuất xứ: Việt Nam
- Sản xuất và chịu trách nhiệm: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA
- Địa chỉ: 212 Tô Hiến Thành, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Điện thoại: 0986 452 838 - 0933 663 809.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 5801389387 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DALATA
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

Đỗ Văn Ấn

Scanned with CamScanner